TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **441**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2023.
V/v tranh chấp: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Hồng**

2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐST- HNGĐ ngày 11/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông NGUYỄN PHƯỚC P** – sinh năm 1970;

Địa chỉ: khu phố 2, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Bà NGUYỄN THỊ T** – sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu phố 2, Thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Phước P trình bày: ông và bà Nguyễn Thị T cưới nhau vào năm 1996, có sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông và bà T sống hạnh phúc đến năm 2012 thì P sinh mâu Tẫn do mâu Tẫn về tiền bạc, thường xuyên cãi nhau. Đời sống chung kéo dài đến năm 2015 thì chính thức ly thân cho đến nay. Nay ông P yêu cầu xin ly hôn với bà T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu L – sinh ngày 11/04/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: bà và ông Nguyễn Phước P cưới nhau vào năm 1996, có sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông P sống hạnh phúc đến năm 2012 thì P sinh mâu Tẫn do mâu Tẫn về tiền bạc, thường xuyên cãi nhau. Đời sống chung kéo dài đến năm 2015 thì chính thức ly thân cho đến nay. Nay ông P yêu cầu xin ly hôn, phía bà T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu L – sinh ngày 11/04/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Phước P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T; Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu L – sinh ngày 11/04/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Phước P; Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu L – sinh ngày 11/04/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là "xin ly hôn".

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Phước P là không có cơ sở: Vì ông Nguyễn Phước P và bà Nguyễn Thị T cưới nhau vào năm 1996, được sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa ông P và bà T từ năm 1996 cho đến nay mà ông P, bà T cũng không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa ông P, bà T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P, mà cần tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu L – sinh ngày 11/04/1998, hiện cháu L đã trưởng thành, nên ông P, bà T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: không có

[5] Về án phí: do ông P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên ông P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Phước P.

Tuyên bố ông Nguyễn Phước P và bà Nguyễn Thị T không phải là vợ chồng.

- Về án phí: ông Nguyễn Phước P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai T số 0009042 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy ông P đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND TT V
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh